TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104 /2021/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 7 – 2021
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Quốc Văn

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Chúc Ni là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXXST–HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Lệ H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần văn B, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và biên bản hòa giải ngày 17/5/2021 nguyên đơn bà Bùi Lệ H trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Trần văn B tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã nhau, ông B thường hay đánh bà có lần gây ra thương tích cho bà dẫn đến vợ chồng chung sống với nhau không có được hạnh phúc và bà đã bỏ nhà ra đi làm thuê từ tháng 7/2020 cho đến nay. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với ông B được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con tên Trần Phương D sinh ngày 27/4/2004 và Trần Gia B sinh ngày 01/5/2012, hiện cháu D do bà H đang nuôi dưỡng, cháu B do ông B đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D và tự nguyện giao cháu B cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng cho con không đặt ra.

Về tài sản chung: Bà H xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại văn bản ý kến ngày 14/5/2021 và biên bản hòa giải ngày 17/5/2021 bị đơn ông Trần văn B trình bày:

Về hôn nhân: Ông B xác định về quan hệ hôn nhân như bà H trình bày là đúng. Ông B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H vì ông vẫn còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc lo lắng cho các con.

Về con chung: Có 02 người con tên Trần Phương D sinh ngày 27/4/2004 và Trần Gia B sinh ngày 01/5/2012 hiện cháu B do ông đang nuôi dạy, cháu D do bà H đang nuôi dạy. Nếu Tòa án giải quyết cho ông và bà H ly hôn, ông B yêu cầu được nuôi dạy cả hai cháu D và B, không yêu cầu bà H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Ông B xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông B xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Lệ H có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa; ông Trần văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H, ông B.

[2] Về hôn nhân: Bà H với ông B tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2008. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Lệ H với ông Trần văn B được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vả nhau, ông B thường hay đánh đập bà H và bà H bỏ nhà đi làm thuê từ tháng 7/2020 cho đến nay. Tại phiên hòa giải bà H xác định không còn tình cảm với ông B và cũng không thể trở về nhà tiếp tục chung sống với ông B được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông B; đối với ông B thừa nhận trong lúc nóng giận có đánh bà H nhưng ông B vẫn còn tình cảm với bà H nên yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng cùng chăm sóc, lo lắng cho các con nên ông B không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của

bà H. Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình chung sống vợ chồng giữa bà H và ông B xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông B có hành vi bạo lực đối với bà H dẫn đến hôn nhân giữa bà H với ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của bà H, cho bà H được ly hôn với ông B là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông B có 02 người con tên Trần Phương D sinh ngày 27/4/2004 và Trần Gia B sinh ngày 01/5/2012. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, tự nguyện giao cháu B cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng; đối với ông B yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu D và B. Hội đồng xét xử xét thấy việc yêu cầu được nuôi con sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ nhưng từ khi bà H và ông B ly thân nhau thì cháu D do bà H đang nuôi dưỡng và cháu D cũng có nguyện vọng sống cùng với bà H; cháu B sống ông B nuôi dưỡng và cháu B có nguyện vọng sống cùng với ông B. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu D cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu B cho ông B tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu D và B; việc cấp dưỡng cho con bà H và ông B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông B xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông B xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Bà Bùi Lệ H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giãm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Lệ H. Cho bà Bùi Lệ H được ly hôn với ông Trần văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương D sinh ngày 27/4/2004 cho bà H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trần Gia B sinh ngày 01/5/2012 cho ông B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà H, ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Bùi Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014546 ngày 20/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà H, ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tiêu Hồng Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Quốc Văn - **Nguyễn Tấn Lộc** **Tiêu Hồng Phượng**